

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1319/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 8 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Căn cứ Điều 11, Mục 2 Chương II của Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Xét đơn xin hỗ trợ chi phí học tập và hồ sơ nộp của sinh viên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Hỗ trợ chi phí học tập cho **127 sinh viên** có tên sau đây là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trúng tuyển vào học hệ chính qui tại trường Đại học Cần Thơ:

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Thời gian hỗ trợ từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019. Mức hỗ trợ cho mỗi sinh viên là 60% mức lương tối thiểu chung (60% x 1.390.000đ)/ tháng.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Thanh Hiền**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP****Từ tháng 01/2019 đến 05/2019***(Kèm theo Quyết định số: 1349/QĐ-ĐHCT, ngày 8 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng)*

| Stt | Mã SV    | Họ và Tên             | Lớp      | Đối tượng        |
|-----|----------|-----------------------|----------|------------------|
| 1   | B1501006 | Thạch Sa Mách         | NN1508A4 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 2   | B1501226 | Lâm Đál Đa            | NN1512A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 3   | B1502010 | Khru Tường Di         | KT1520A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 4   | B1503100 | Son Thị Hiếu Thảo     | LK1563A3 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 5   | B1503527 | Truong Vũ Cường       | TN1562A5 | DTTS - Cận nghèo |
| 6   | B1504791 | Thạch Thị Chal Thi    | KH1569A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 7   | B1505380 | Trần Minh Phương      | TN1583A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 8   | B1505482 | Quách Thanh Hảo       | KT1590A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 9   | B1506097 | Thạch Ngọc Kinh       | ML15U3A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 10  | B1506218 | Lý Thị The Ri         | XH15U4A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 11  | B1506219 | Kim Sinh Sil          | XH15U4A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 12  | B1506672 | Thạch Hải             | FL15V1A3 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 13  | B1506697 | Lâm Kim Tiền          | FL15V1A3 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 14  | B1506912 | Châu Hồng Thẩm        | KT15V5A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 15  | B1507297 | Thao Thành Quân       | DI15V7A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 16  | B1507493 | Ngô Liễu My           | ML15V9A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 17  | B1507731 | Kim Ngọc Châu         | KT15W2A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 18  | B1507856 | Danh Thị Cẩm Thu      | KT15W3A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 19  | B1508023 | Lâm Tú Ngân           | TS15W5A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 20  | B1508119 | Son Thị Tiểu Hạnh     | XH15W7A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 21  | B1508603 | Thạch Thị Bé Phương   | SP15X3A1 | DTTS-Cận nghèo   |
| 22  | B1508665 | Trương Thị Yến Nhi    | ML15X4A1 | DTTS-Cận nghèo   |
| 23  | B1508791 | Phan Cẩm Tú Quyên     | CA15X5A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 24  | B1509209 | Trần Huỳnh Dưỡng Sinh | NN15X9A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 25  | B1510522 | Lưu Duy Phúc          | HG1562A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 26  | B1510585 | Chau Chanh Thai       | HG15U6A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 27  | B1511047 | Huỳnh Danh Tuấn       | HG15W8A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 28  | B1600134 | Lý Tuấn Vũ            | SP1602A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 29  | B1600289 | Dương Thị Thu Liễu    | NN1608A4 | DTTS-Hộ nghèo    |



| Stt | Mã SV    | Họ và Tên            | Lớp      | Đối tượng        |
|-----|----------|----------------------|----------|------------------|
| 30  | B1600311 | Danh Thị Huỳnh Như   | NN1608A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 31  | B1600557 | Châu Chí Cường       | NN1612A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 32  | B1600933 | Lâm Thị Sô Ri        | SP1616A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 33  | B1601303 | Lý Muối Sên          | KT1620A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 34  | B1601627 | Neáng Ngọc Sang      | KT1622A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 35  | B1602379 | Thị Ngọc Nhiều       | LK1663A3 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 36  | B1602384 | Neáng Sóc Phia       | LK1663A3 | DTTS - Cận nghèo |
| 37  | B1602447 | Neáng Sóc Ine        | LK1663A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 38  | B1602680 | Danh Hải Dương       | MT1638A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 39  | B1603361 | Danh Thanh Trọng     | TN1684A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 40  | B1603436 | Son Vũ Phương        | TN1685A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 41  | B1603439 | Chanh Sa Ri          | TN1693A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 42  | B1603441 | Chau Sêth            | TN1693A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 43  | B1603746 | Thạch Mu Sa          | TN1661A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 44  | B1604760 | Danh Hoàng Khang     | TS1682A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 45  | B1605509 | Trần Thị Diễm Kiều   | KH16U1A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 46  | B1605722 | Lâm Thị Châm         | XH16U4A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 47  | B1606000 | Huỳnh Thị Tuyết Minh | HG16U6A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 48  | B1606250 | Huỳnh Thị Yến        | FL16V1A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 49  | B1606527 | Phùng Ái Duyên       | KT16V5A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 50  | B1607042 | Trần Ngọc Tú         | DI16V7A3 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 51  | B1607283 | Nguyễn Thị Ngọc Hân  | ML16V9A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 52  | B1607297 | Danh Hoàng Nghiệp    | ML16V9A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 53  | B1607448 | Kim Tấn Lực          | KT16W2A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 54  | B1607537 | Danh Thanh Tâm       | KT16W2A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 55  | B1608260 | Danh Thị Mai         | XH16W9A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 56  | B1608601 | Ngô Liễu Thy         | CA16X5A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 57  | B1608655 | Chanh Bô Ry          | CA16X5A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 58  | B1608739 | Tiêu Hoàng Lến       | MT16X7A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 59  | B1608928 | Thạch Văn Sơn        | NN16X8A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 60  | B1609173 | Dương Vũ Linh        | TN16Y5A2 | DTTS - Cận nghèo |



| Stt | Mã SV    | Họ và Tên              | Lớp      | Đối tượng        |
|-----|----------|------------------------|----------|------------------|
| 61  | B1609232 | Huỳnh Thanh Hòa        | TN16Y6A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 62  | B1609296 | Danh Dương             | TN16Y6A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 63  | B1609307 | Thạch Thái Hoàng       | TN16Y6A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 64  | B1609363 | Tề Quốc Vĩnh           | TN16Y6A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 65  | B1610437 | Nguyễn Trọng Tuấn      | TS1682A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 66  | B1610658 | Trần Đào Thị Mỹ An     | DI16V7F1 | DTTS - Cận nghèo |
| 67  | B1700158 | Thạch Thị Phương Thanh | NN1708A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 68  | B1701345 | Neáng Na Huỳnh         | KT1721A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 69  | B1701394 | Lê Thị Việt Trinh      | KT1721A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 70  | B1701806 | Thạch Thị Thùy Duyên   | HG1723A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 71  | B1702027 | Lý Thị Cẩm Tiên        | LK1765A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 72  | B1702118 | Thạch Văn Vàng         | LK1765A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 73  | B1702332 | Neáng Kim Lan          | HG1763A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 74  | B1702620 | Trần Minh Hiếu         | TN1784A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 75  | B1702784 | Lý Cao Trí             | TN1793A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 76  | B1703416 | Trần Huỳnh Trúc Y      | DA1766A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 77  | B1703565 | Sơn Vông               | NN1767A3 | DTTS - Cận nghèo |
| 78  | B1703709 | Sóc Minh Hậu           | KH1769A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 79  | B1703864 | Dương Ngọc Hồ          | NN1773A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 80  | B1704054 | Thạch Thị Anh Đào      | TS1782A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 81  | B1704061 | Danh Thị Thu Hương     | TS1782A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 82  | B1704280 | Thạch Thị Liễu         | TN1783A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 83  | B1704786 | Trần Anh Tuấn          | DI1796A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 84  | B1704834 | Trần Công Minh         | DI1796A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 85  | B1704979 | Lâm Ngọc Hải           | TN17T2A3 | DTTS - Cận nghèo |
| 86  | B1706127 | Thị Ngọc Sang          | HG17V1A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 87  | B1706390 | Kim Thị Thiên Nga      | TN17V6A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 88  | B1707153 | Nguyễn Thị Ngọc My     | ML17V9A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 89  | B1707176 | Lý Thị Cẩm Tú          | ML17V9A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 90  | B1707222 | Sơn Thị Thu Phương     | KT17W1A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 91  | B1707288 | Huỳnh Ngọc Phần        | KT17W1A2 | DTTS - Cận nghèo |



| Stt | Mã SV    | Họ và Tên              | Lớp      | Đối tượng        |
|-----|----------|------------------------|----------|------------------|
| 92  | B1707577 | Tăng Thái Trường       | KT17W3A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 93  | B1707808 | Lý Sóc Khum            | TS17W5A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 94  | B1708769 | Thạch Chanh Nanl       | NN17Z1A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 95  | B1709058 | Nguyễn Trọng Tú        | TN17Y6A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 96  | B1709758 | Sơn Hồng Phát          | NN1712A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 97  | B1709817 | Danh Thị Mỹ Lan        | HG1722A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 98  | B1709841 | Hà Thị Ngọc Huyền      | HG1723A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 99  | B1800802 | Nguyễn Thị Hoài Thương | TS1813A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 100 | B1801192 | Thạch Priệne           | NN1819A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 101 | B1801273 | Trương Tú Nghiêm       | KT1820A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 102 | B1801288 | Chau Sê Rây            | KT1820A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 103 | B1801880 | Danh Thị Huỳnh Hoa     | HG1822A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 104 | B1801945 | Lâm Mỹ Huyền           | KT1823A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 105 | B1802494 | Thạch Dương Song Trân  | LK1864A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 106 | B1802540 | Nguyễn Thị Lê          | LK1863A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 107 | B1802762 | Bạch Văn Nghĩa         | LK1863A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 108 | B1803542 | Triệu Hoài Nam         | TN1884A3 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 109 | B1803762 | Danh Thanh Bình        | DA1866A3 | DTTS - Cận nghèo |
| 110 | B1804515 | Chau Ngâu              | NN1873A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 111 | B1804675 | Chau Liêm              | NN1873A3 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 112 | B1804975 | La Thanh Thảo          | TS1882A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 113 | B1804976 | Thạch Thị Duy Thảo     | TS1882A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 114 | B1805867 | Nguyễn Danh Hưng       | DI1896A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 115 | B1806396 | Kiên Minh Trương       | TN18S3A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 116 | B1806657 | Chau Minh Thái         | TN18T4A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 117 | B1807298 | Chau Nhựt Linh         | TN18T7A4 | DTTS - Cận nghèo |
| 118 | B1807926 | Danh Đà Ni             | XH18U4A1 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 119 | B1807994 | Thạch Hữu Nhân         | XH18U4A2 | DTTS-Hộ nghèo    |
| 120 | B1808346 | Thạch Vương Tín        | FL18V1A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 121 | B1808610 | Kim Hoàng Kim          | HG18V1A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 122 | B1809557 | Nguyễn Hồng Diệu       | HG18V7A2 | DTTS-Hộ nghèo    |

| Stt | Mã SV    | Họ và Tên           | Lớp      | Đối tượng        |
|-----|----------|---------------------|----------|------------------|
| 123 | B1809906 | Lâm Thị Huyền Trân  | ML18V9A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 124 | B1810068 | Thạch Thị Ngọc Chân | KT18W1A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 125 | B1810605 | Danh Thị Cẩm Hương  | KT18W4A2 | DTTS - Cận nghèo |
| 126 | B1812666 | Liêu Ngọc Hân       | TS18S2A1 | DTTS - Cận nghèo |
| 127 | B1812797 | Thạch Anh Huy       | HG18V7A2 | DTTS - Cận nghèo |

Danh sách gồm có **127** sinh viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

